

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BÌNH THỦY
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 64/2021/DS-ST
Ngày: 31/12/2021
V/v “*Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH THỦY
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Hữu Sáng
- Hội thẩm nhân dân:
 - 1/ Ông Nguyễn Việt Thành
 - 2/ Ông Lương Công Tiên
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông Trương Vũ Linh – Cán bộ
Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy tham gia phiên tòa:
Ông Võ Long Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 31/12/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 274/TLST - DS ngày 03/12/2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 467/2021/QĐST – DS ngày 14/12/2021 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

Bà Nguyễn Thị Phương H, sinh năm 1992

Địa chỉ: 131/5, khu vực 2, phường An Khánh, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Nguyễn Chí Dũng (Văn bản ủy quyền ngày 07/10/2020 tại Văn phòng công chứng Trương Văn Trung).

Địa chỉ: số 8 đường F2, Tổ 3A, khu vực 5, phường An Bình, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn:

Bà Phạm Thị Kim K, sinh năm: 1976;

Cư trú: 12/3 khu vực 1, phường Bình Thủy, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

Nguyên đơn có mặt, bị đơn vắng mặt.

NHẬN THẤY

Tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết, đại diện nguyên đơn trình bày:

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 bà H cho K vay số tiền là 50.000.000 đồng với lãi suất 4% trên một tháng. Thời hạn của hợp đồng vay là cho đến khi bên cho vay có thông báo thu hồi nợ. Mục đích sử dụng vốn vay là để bà Phạm Thị Kim K buôn bán. Trong quá trình thực hiện hợp đồng bà K đã không thực hiện đúng hợp đồng. Cụ thể là, bà K đóng tiền gốc và tiền lãi đến hết tháng 02 năm 2020 thì không đóng nữa. Do vậy, ngày 01 tháng 6 năm 2020 bà H đã gửi thông báo cho bà K để thu hồi toàn bộ số nợ gốc còn lại là 39.000.000 đồng (Ba mươi chín triệu đồng) và tiền lãi trên dư nợ gốc. Tuy nhiên, đến nay bà K vẫn chưa trả số tiền gốc và tiền lãi nói trên cho bà H. Cụ thể:

Từ ngày 5/11/2019 đến ngày 01/12/2019 bà Huệ trả cho bà H 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), số tiền còn lại là: 50.000.000 đồng – 3.000.000 đồng = 47.000.000 đồng; số tiền lãi từ ngày 15/11/2019 đến ngày 01/12/2020 với mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 50.000.000 đồng là: $20\% : 12 \text{ (tháng)} : 30 \text{ (ngày)} \times 26 \text{ (ngày)} \times 50.000.000 \text{ đồng} = 722.000 \text{ đồng}$.

Từ ngày 02/12/2019 đến ngày 31/12/2019 bà Huệ trả cho bà H 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), số tiền còn lại là: 47.000.000 đồng – 3.000.000 đồng = 44.000.000 đồng; số tiền lãi từ ngày 02/12/2019 đến ngày 31/12/2020 với mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 47.000.000 đồng là: $20\% : 12 \text{ (tháng)} : 30 \text{ (ngày)} \times 30 \text{ (ngày)} \times 47.000.000 \text{ đồng} = 783.333 \text{ đồng}$.

Từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/01/2020 bà Huệ trả cho bà H 3.000.000 đồng (ba triệu đồng), số tiền còn lại là: 44.000.000 đồng – 3.000.000 đồng = 41.000.000 đồng; số tiền lãi từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/01/2020 với mức lãi suất 20%/năm trên số tiền gốc 44.000.000 đồng là: $20\% : 12 \text{ (tháng)} : 30 \text{ (ngày)} \times 31 \text{ (ngày)} \times 44.000.000 \text{ đồng} = 757.777 \text{ đồng}$.

Từ ngày 01/02/2020 đến ngày 29/02/2020 bà Huệ trả cho bà H 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), số tiền còn lại là: 41.000.000 đồng – 2.000.000 đồng = 39.000.000 đồng; số tiền lãi từ ngày 01/02/2020 đến ngày 29/02/2020 với mức lãi suất 20%/năm

trên số tiền gốc 41.000.000 đồng là: $20\% : 12 \text{ (tháng)} : 30 \text{ (ngày)} \times 29 \text{ (ngày)} \times 41.000.000 \text{ đồng} = 660.555 \text{ đồng}$.

Từ ngày 01/03/2020 cho đến nay bà Huệ chưa trả trả nợ gốc 39.000.000 đồng và lãi trên nợ gốc cho bà H. Số tiền lãi từ ngày 01/3/2020 đến ngày 31/12/2021 với mức lãi suất 20%/năm trên số tiền nợ gốc 39.000.000 đồng là: $20\% : 12 \text{ (tháng)} \times 22 \text{ (tháng)} \times 39.000.000 \text{ đồng} = 14.300.000 \text{ đồng}$

Tổng số tiền lãi bà Huệ phải trả cho bà H theo quy định pháp luật là: 722.000 đồng + 783.333 đồng + 757.777 đồng + 660.555 đồng + 14.300.000 đồng = 17.223.665 đồng.

Số tiền lãi bà Huệ đã trả cho bà H từ 05/11/2019 đến ngày 29/02/2020 là: 7.280.000 đồng.

Như vậy, số tiền lãi bà Huệ phải trả cho bà H tính đến ngày 31/12/2021 sau khi trừ phần lãi suất bà Huệ đã trả cho bà H vượt quy định pháp luật từ ngày 15/11/2019 đến ngày 01/4/2020 là: $17.223.665 - 7.280.000 \text{ đồng} = 9.943.665 \text{ đồng}$.

Do vậy, nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc bà Phạm Thị Kim Huệ phải trả cho bà H số tiền là 48. 943.665 đồng (trong đó có 39.000.000 đồng nợ gốc và số tiền lãi trên nợ gốc tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 9.943.665 đồng). Bà Huệ còn phải trả cho bà H số tiền lãi trên nợ gốc cho đến ngày bà Huệ thi hành xong bản án.

Ý kiến của bị đơn: bà Phạm Thị Kim Huệ không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng như không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giảm một phần lãi suất cho bị đơn, yêu cầu buộc bà Phạm Thị Kim Huệ phải trả cho bà H số tiền là 45.000.000 đồng (trong đó có 39.000.000 đồng nợ gốc và số tiền lãi trên nợ gốc tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 6.000.000 đồng). Bà Huệ còn phải trả cho bà H số tiền lãi trên nợ gốc cho đến ngày bà Huệ thi hành xong bản án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Thủy phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm hội đồng xét xử nghị án; Trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo đúng quy định. Bị đơn bà Phạm Thị Kim Huệ mặc dù đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhưng không tham gia.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị Kim Huệ phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/12/2021) là: 45.000.000 đồng (trong đó có 39.000.000 đồng nợ gốc và số tiền lãi trên nợ gốc tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 6.000.000 đồng). Ngoài ra yêu cầu bà K thanh toán lãi và lãi phạt chậm trả theo mức lãi suất là 20%/năm phù hợp với văn bản thỏa thuận ngày 05/11/2019 và quy định của pháp luật cho đến ngày bà K thực tế thanh toán hết nợ cho nguyên đơn.

* Về án phí dân sự sơ thẩm bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về Thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị Phương H và bà Phạm Thị Kim Huệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho đương sự vắng mặt theo quy định tại Điều 208, 209, 210, 211 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện nguyên đơn không xuất trình thêm chứng cứ mới. Tại phiên tòa lần thứ nhất cũng như phiên tòa hôm nay Tòa án đã triệu tập họp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, đối với bị đơn bà Phạm Thị Kim Huệ nhưng bà K vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Hội đồng xét xử thấy rằng ngày 05/11/2019, bà Phạm Thị Kim Huệ đã ký Văn bản thỏa thuận về việc vay tiền, sau đây gọi là hợp đồng vay tài sản với bà Nguyễn Thị Phương H với số tiền là 50.000.000 đồng, mục đích vay tiêu dùng với lãi suất cố định là 4%/tháng, được tính theo dư nợ gốc, tiền lãi và tiền gốc trả ít nhất 3.000.000 đồng được trả vào ngày 01 tây mỗi tháng. Tuy nhiên đến tháng 02 năm 2020 thì bà K không đóng, đến ngày 01/6/2020 bà H có làm việc với bà K yêu cầu trả nợ có văn bản làm việc, nhưng bà K vẫn tiếp tục không thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

Về tiền gốc, nguyên đơn thừa nhận: Tháng 11 năm 2019 đến tháng 02 năm 2020, bà K đã trả góp cho bà H 11.000.000 đồng; còn lại 39.000.000 đồng. Như vậy, từ ngày 01/3/2020 đến nay, bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc là 39.000.000 đồng.

Về lãi suất, các bên thỏa thuận mức lãi suất cố định là 4%/tháng là vi phạm quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó chỉ chấp nhận mức lãi suất theo yêu cầu của phía nguyên đơn là 20%/năm là hoàn toàn phù hợp.

Nguyên đơn thừa nhận: Tổng số tiền lãi ông Tiến đã trả cho bà H theo thỏa thuận trong hợp đồng từ tháng 11/2019 đến hết tháng 2/2020 là: 7.220.000 đồng;

Dựa trên sự biến động số tiền gốc mà nguyên đơn thừa nhận trả tiền gốc và lãi vào ngày 01 hàng tháng thì số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn với mức lãi suất 20%/năm từ ngày 05/11/2019 đến ngày xét xử 31/12/2021 là: 17.223.665 đồng. Số tiền lãi, nguyên đơn thừa nhận đã nhận của bị đơn là: 7.280.000 đồng. Như vậy bị đơn còn nợ nguyên đơn tiền lãi là: 9.943.665 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, nguyên đơn tự nguyện giảm một phần lãi suất cho bị đơn xuống còn: 6.000.000 đồng.

Xét Hợp đồng vay tài sản ngày 05/11/2019 đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên và tuân thủ quy định về hình thức của hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ.

Xét thấy, bà K đã ký kết Hợp đồng vay tài sản ngày 05/11/2019 nhưng đã vi phạm nghĩa vụ của bên vay tài sản về thời hạn thanh toán nợ được quy định tại Hợp đồng vay tài sản. Nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 466 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà Phạm Thị Kim K phải trả cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương H số tiền: 45.000.000 đồng (trong đó có 39.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 6.000.000 đồng). Và tiếp tục trả lãi phát sinh theo theo mức lãi suất 20%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 01/01/2022 cho đến khi trả hết nợ.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị đơn bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải chịu là: 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, 161, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương H với bà Phạm Thị Kim K.

Tuyên xử: Buộc bà Phạm Thị Kim K phải trả cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền 45.000.000 đồng (trong đó có 39.000.000 đồng tiền nợ gốc và tiền lãi tạm tính đến ngày 31/12/2021 là 6.000.000 đồng). Và tiếp tục trả lãi phát sinh theo theo mức lãi suất 20%/năm trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán từ ngày 01/01/2022 cho đến khi trả hết nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Phương H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 2.250.000 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phương H số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 975.000 đồng theo biên lai thu tiền số 004842 ngày 04/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

(Ký tên, ghi rõ họ tên)

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)